TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 163/2019/HNGĐ-ST
Ngày 01 – 8 – 2019
Về việc xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thị Thu.
Các Hội thẩm nhân dân:
+ Ông Lê Phát Đạt;
+ Ông Võ Sĩ Hùng.
- Thư ký phiên toà: Bà Lê Thúy Dung, là Thư ký Toà án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 01 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 451/2019/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2019 về việc "xin ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 458/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Lê S, sinh năm 1970 (có mặt).
Địa chỉ: Đường Q, khóm S, phường M, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Chị Trần Thị Mỹ V, sinh năm 1976 (vắng mặt).
Địa chỉ: Đường Q, khóm S, phường M, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn ngày 21/5/2019 và quá trình giải quyết vụ án, anh Nguyễn Lê S trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Trần Thị Mỹ V chung sống vợ chồng và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Ngô Mây, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định vào ngày 24/11/1995. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại Quy Nhơn, đến năm 2002 vào Cà Mau sinh sống. Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn, chị V thường gây ra nợ nần anh phải trả thay rất nhiều lần, từ đó xảy ra cãi nhau trong gia đình về vấn đề tài chính. Nay anh xác định tình cảm không còn nên anh yêu cầu ly hôn chị Trần Thị Mỹ V.

Về con chung: Anh và chị V có 02 con chung tên Nguyễn Cao M, sinh ngày 06/8/1996 và Nguyễn Tuấn M', sinh ngày 10/7/2006 hiện cháu Tuấn M' đang sống với anh. Cháu Cao M đã trưởng thành nên không đặt ra trách nhiệm nuôi dưỡng. Khi ly hôn, anh yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu Tuấn M', không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Anh xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh xác định không nợ ai và không ai nợ lại anh chị.

- Đối với chị Trần Thị Mỹ V, mặc dù đã được Tòa án triệu tập nhiều lần đến phiên tòa để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử nhưng chị V vẫn không có mặt để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Trần Thị Mỹ V đã được Tòa án tống đạt hợp lệ nhiều lần để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và phiên tòa xét xử theo quy định vào các ngày 07/6/2019, ngày 25/6/2019, ngày 11/7/2019, ngày 01/8/2019 nhưng chị vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị V theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Anh Nguyễn Lê S và chị Trần Thị Mỹ V xác lập quan hệ vợ chồng và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Ngô Mây, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định vào ngày 24/11/1995 nên hôn nhân là hợp pháp và được pháp luật công nhận, bảo vệ. Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân theo anh S trình bày chị V thường gây ra nợ nần anh phải trả thay rất nhiều lần, từ đó xảy ra cãi nhau trong gia đình về vấn đề tài chính. Nay anh xác định tình cảm không còn nên anh yêu cầu ly hôn chị V. Đối với chị Trần Thị Mỹ V không gửi cho Tòa án văn bản thể hiện ý kiến và cung cấp các tài liệu, chứng cứ chứng minh đối với yêu cầu khởi kiện của anh S về việc anh S xin ly hôn. Cho nên nhận thấy, cuộc sống giữa anh S, chị V thực sự đã có mâu thuẫn, vợ chồng không còn thương yêu, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho anh S ly hôn chị V.

[3] Về con chung: Anh S, chị V có 02 con chung tên Nguyễn Cao M, sinh ngày 06/8/1996 và Nguyễn Tuấn M', sinh ngày 10/7/2006 hiện cháu Tuấn M' đang sống với anh. Cháu Cao M đã trưởng thành nên không đặt ra trách nhiệm nuôi dưỡng. Khi ly hôn, anh S yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu Tuấn M'. Xét thấy, cháu Tuấn M' hiện do anh S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, nguyện vọng của cháu Tuấn M' muốn ở với cha nếu cha mẹ ly hôn, chị V không nêu ý kiến về việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử giao cháu Tuấn M' cho anh S tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng là hoàn toàn phù hợp. Đối với cháu Cao M đã trưởng thành nên không đặt ra trách nhiệm nuôi dưỡng nên không xem xét.

[4] Về trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con: Anh S không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Anh S xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về nợ chung: Anh S khai không nợ ai và không ai nợ lại nên không đặt ra giải quyết.

[7] Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.
- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Lê S về việc xin ly hôn chị Trần Thị Mỹ V.
- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Tuấn M', sinh ngày 10/7/2006 cho anh S tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu Nguyễn Cao M, sinh ngày 06/8/1996 đã trưởng thành nên không đặt ra trách nhiệm nuôi dưỡng.

Chị V được quyền đến thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Anh S xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: Anh S khai không có.
- Về án phí Hôn nhân và gia đình, anh S phải chịu 300.000đ. Ngày 21 tháng 5 năm 2019, anh S đã dự nộp tiền tạm ứng án phí 300.000đ theo biên lai số 0000148 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau nên được đối trừ chuyển thu sung công quỹ nhà nước.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Anh Nguyễn Lê S có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Trần Thị Mỹ V có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)
Lê Thị Thu

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND Tp.Cà Mau;
- UBND phường Ngô Mây, Tp. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.